

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009**



---

Hà Nội, Tháng 3 năm 2010

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

20  
CÔ  
H N  
A TO  
TÀI  
VHX

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**  
Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

#### **CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn hoạt động và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Đình Lâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mai Linh	Chủ tịch
Ông Vũ Duy Thành	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
-------------------------	-------------------

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính - *Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.*

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 20, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2010



Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

**Trụ sở chính:**

P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1  
Trung hòa - Nhân Chính, Hà Nội  
Tel : (84 4) 62 811 488  
Fax: (84 4) 62 811 499  
E-mail : contact@ifc-acagroup.vn  
Website: www.ifc-acagroup.vn

Số.62/ACA.KT

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 20. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



*(Handwritten signature)*

**Chu Quang Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International  
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2010

**Nguyễn Hoàng Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

Thành viên  
Hãng  
Kiểm toán  
Quốc tế  
Kreston  
International  
www.kreston.com

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>180.818.032.891</b>	<b>94.871.824.784</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.838.586.468</b>	<b>2.127.352.099</b>
1. Tiền	111	5	11.838.586.468	2.127.352.099
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>55.397.539.000</b>	<b>87.266.408.472</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		56.045.335.518	91.181.564.672
- Chứng khoán tự doanh	121.1	6	11.558.686.518	9.890.656.200
- Đầu tư ngắn hạn khác	121.2	7	44.486.649.000	81.290.908.472
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	8	(647.796.518)	(3.915.156.200)
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>112.888.371.076</b>	<b>4.792.602.917</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	489.917.515
2. Trả trước cho người bán	132		18.334.375.061	1.644.815.600
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	11	93.658.006.833	-
5. Các khoản phải thu khác	138	12	895.989.182	2.657.869.802
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>693.536.347</b>	<b>685.461.296</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.906.664	26.313.695
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	14	691.629.683	659.147.601
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>85.831.926.580</b>	<b>141.632.919.485</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.348.671.088</b>	<b>34.830.464.026</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.991.144.099	3.353.852.221
- Nguyên giá	222	15	4.701.085.623	4.637.190.353
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.709.941.524)	(1.283.338.132)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	30.808.336.489	30.921.985.305
- Nguyên giá	228		31.969.144.738	31.290.593.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.160.808.249)	(368.608.133)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	17	549.190.500	554.626.500
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>52.225.000.000</b>	<b>104.756.378.200</b>
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		48.300.000.000	97.685.660.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	253.1	6	48.300.000.000	-
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		14.200.000.000	26.856.378.200
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	8	(10.275.000.000)	(19.785.660.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>258.255.492</b>	<b>2.046.077.259</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		112.520.627	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		145.734.865	120.174.209
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.925.903.050
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>266.649.959.471</b>	<b>236.504.744.269</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 02-CTCK**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu	1		56.992.584.233	1.388.857.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		56.992.584.233	1.388.857.536
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24	8.820.913.344	29.245.173.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.171.670.889	(27.856.316.355)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	9.065.384.758	10.869.555.360
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		39.106.286.131	(38.725.871.715)
8. Thu nhập khác	31	26	4.857.629	3.051.238.915
9. Chi phí khác	32		3.538.831.092	36.027
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.533.973.463)	3.051.202.888
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.572.312.668	(35.674.668.827)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	77.470.986	
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		35.494.841.682	(35.674.668.827)
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	



Nguyễn Thị Thu Hương  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Lê Bích Diệp  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B03-CTCK  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	4.386.261.298
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(9.188.085.814)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(21.597.609)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	(271.284.378.733)
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(11.884.474.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(25.545.228.428)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(2.245.339.226)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	(1.664.406.815)
12. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14	1.216.353.399.354
13. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(882.475.333.762)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.430.816.265</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(406.397.814)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	64.391.613.022
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.455.849.104)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.920.633.896)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.250.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.048.948.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.798.948.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.711.234.369</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.127.352.099
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	11.838.586.468



Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Lê Bích Diệp  
Kế toán trưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM

Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, điều chỉnh theo Quyết định số 183/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 01 năm 2009 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 theo quyết định số 269/UBCK-GP, điều chỉnh thay đổi trụ sở chính theo Quyết định số 273/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009.  
Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 13.500.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 30 người.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1 Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

#### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 Nguyên tắc đánh giá chứng khoán**

*Nguyên tắc đánh giá chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn mua:*

Chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn mua vào được Công ty ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp tính trị giá vốn chứng khoán tự doanh, ủy thác đầu tư bán ra: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán Công ty niêm yết được lập vào thời điểm 31 tháng 12 hàng năm cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo quy định tại thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Theo đó, dự phòng giảm giá chứng khoán được tính như sau: Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho năm tài chính bằng (=) Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm 31/12 năm báo cáo nhân (x) [Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán trừ (-) Giá đóng cửa ngày 31/12 (hoặc giá đóng cửa gần nhất nếu ngày 31/12 không phải là ngày giao dịch)].

Dự phòng giảm giá chứng khoán Công ty không niêm yết được lập vào thời điểm 31 tháng 12 hàng năm cho từng loại chứng khoán có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 chưa có căn cứ chính thức để xác định giá trị đối với chứng khoán của các Công ty không niêm yết. Do đó, khoản dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập trên cơ sở ước tính và so sánh với các Công ty cùng ngành.

**4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

Ghi nhận các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4.5 Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

**4.7 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm máy vi tính.

Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

**4.8 Các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê nhà trên một năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

**4.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**4.10 Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.11 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.12 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<i>Tiền mặt</i>	<b>8.781.988.296</b>	<b>30.531.606</b>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>		
- TGNH Vietcombank Hoàn Kiếm	5.407.561	-
- TGNH BIDV Quang Trung	6.098.171	640.995.465
- TGNH PG Bank - Chi nhánh Hà Nội	2.240.338	7.000
- TGNH BIDV Quang Trung tài khoản Tự doanh	9.610.644	1.589.186
- TGNH BIDV Quang Trung tài khoản Phí giao dịch	72.378.936	74.127.047
- TGNH BIDV Quang Trung tài khoản CP Phát hành thêm	2.293.220	153.840.242
- TGNH BIDV Quang Trung tài khoản Cổ tức	26.361.967	1.772.630
- TGNH BIDV Quang Trung tài khoản ứng trước	280.097.954	1.007.685
- TGNH BIDV Hà Thành tài khoản GD môi giới nước ngoài	17.467.782	-
- TGNH Oceanbank Ngô Quyền	511.100	-
- TGNH BIDV Quang Trung của Nhà đầu tư về GDCK	2.434.747.609	596.041.474
- TGNH BIDV Hà Thành tài khoản GD Upcom	2.104.029	-
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại BIDV Quang Trung</i>		
- TGTT bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty CK	41.942.781	1.068.340
- TGTT bù trừ giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	155.336.080	626.371.424
<b>Cộng</b>	<b>11.838.586.468</b>	<b>2.127.352.099</b>

**6. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VÀ HIỆN CÓ VỀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối kỳ VND
A	1	2	3	4
<b>I - Đầu tư chứng khoán của Công ty</b>	<b>107.576.316.200</b>	<b>23.585.235.000</b>	<b>71.302.864.682</b>	<b>59.858.686.518</b>
1. Chứng khoán tự doanh	9.890.656.200	11.285.235.000	9.617.204.682	11.558.686.518
2. Chứng khoán đầu tư dài hạn	97.685.660.000	12.300.000.000	61.685.660.000	48.300.000.000
<b>II - Đầu tư chứng khoán cho người uỷ thác đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>107.576.316.200</b>	<b>23.585.235.000</b>	<b>71.302.864.682</b>	<b>59.858.686.518</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư mua lại cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng Mua lại cổ phiếu số 01/2008/GPS giữa Công ty với Ông Lê Quang Vinh, ngày bán lại tại 30/03/2009.	22.211.649.000	22.211.649.000
Đầu tư mua lại cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng Mua lại cổ phiếu số 02/2008/GPS giữa Công ty với Ông Phạm Quang Nhơn.	22.275.000.000	22.275.000.000
Giao vốn đầu tư ngắn hạn cho Ông Trần Đình Lâm	-	11.464.259.472
Giao vốn đầu tư ngắn hạn cho Ông Nguyễn Đức Thịnh tại ngày	-	1.500.000.000
Giao vốn đầu tư ngắn hạn cho Ông Trần Đình Lâm theo Quyết định số 40/GPS-QĐ ngày 01/10/2008 của Tổng giám đốc	-	20.052.500.000
Giao vốn đầu tư ngắn hạn cho Ông Trần Đình Lâm theo Quyết định số 44/GPS-QĐ ngày 18/12/2008 của Tổng Giám đốc	-	3.787.500.000
<b>Cộng</b>	<b>44.486.649.000</b>	<b>81.290.908.472</b>

**8. LẬP VÀ HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN**

Loại chứng khoán	Số dư đầu kỳ dự phòng giảm giá chứng khoán VND	Số lập dự phòng kỳ này				Số hoàn nhập dự phòng kỳ này VND	Số dư cuối kỳ dự phòng giảm giá chứng khoán VND
		Số lượng	Trị giá chứng khoán VND	Căn cứ lập dự phòng VND	Số lập dự phòng kỳ này VND		
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>I-Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>23.700.816.200</b>	<b>781.500</b>	<b>22.691.686.518</b>	-	<b>4.275.000.000</b>	<b>17.053.019.682</b>	<b>10.922.796.518</b>
<i>I. Chứng khoán tự doanh</i>	<i>23.700.816.200</i>	<i>781.500</i>	<i>22.691.686.518</i>	-	<i>4.275.000.000</i>	<i>17.053.019.682</i>	<i>10.922.796.518</i>
- Cổ phiếu	23.700.816.200	781.500	22.691.686.518	-	4.275.000.000	17.053.019.682	10.922.796.518
<i>Trong đó:</i>							
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	<i>3.215.156.200</i>	<i>11.500</i>	<i>291.686.518</i>	<i>13.260</i>	-	<i>3.075.959.682</i>	<i>139.196.518</i>
<i>Công ty CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn</i>	<i>700.000.000</i>	<i>20.000</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>44.570</i>	-	<i>191.400.000</i>	<i>508.600.000</i>
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam</i>	<i>13.785.660.000</i>	-	-	-	-	<i>13.785.660.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>750.000</i>	<i>21.000.000.000</i>	<i>14.300</i>	<i>4.275.000.000</i>		<i>10.275.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>23.700.816.200</b>	<b>781.500</b>	<b>22.691.686.518</b>	-	<b>4.275.000.000</b>	<b>17.053.019.682</b>	<b>10.922.796.518</b>

342  
3 TY  
HỮU  
VÀ T  
HINH  
N-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. TÌNH HÌNH NẮM GIỮ CHỨNG KHOÁN**

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2009		Tổng số chứng khoán công ty nắm giữ đã phát hành đến ngày 31/12/2009	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
A	1	2	3	4
<b>I - Công ty niêm yết:</b>				
<b>II - Công ty không niêm yết:</b>				
<b>1. Chứng khoán ngắn hạn</b>	<b>681.500</b>	<b>11.558.686.518</b>		
- Chứng khoán Ngân hàng TMCP An Bình	11.500	291.686.518		
- Chứng khoán Công ty CP Bia Rượu Nước GK Sài Gòn	20.000	1.400.000.000		
- Chứng khoán Công ty CP Than Vàng Danh	50.000	1.617.000.000		
- Chứng khoán Công ty CP Cứu Long Giang	600.000	8.250.000.000		
<b>2. Chứng khoán dài hạn</b>	<b>3.480.000</b>	<b>48.300.000.000</b>		
- Chứng khoán Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	750.000	21.000.000.000		
- Chứng khoán Công ty CP Tài chính & Đầu tư Gia Phát	1.500.000	15.000.000.000		
- Chứng khoán Công ty CP Thực phẩm & Dịch vụ Phú Gia	1.230.000	12.300.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>4.161.500</b>	<b>59.858.686.518</b>		

**10. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2009 CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2009 VND
<b>1. Cửa Công ty chứng khoán</b>	<b>5.418.200</b>	<b>94.888.099.682</b>
- Cổ phiếu	5.418.200	94.888.099.682
<b>2. Cửa Nhà đầu tư</b>	<b>41.003.080</b>	<b>1.343.397.031.000</b>
- Cổ phiếu	41.003.080	1.343.397.031.000
<b>Cộng</b>	<b>46.421.280</b>	<b>1.438.285.130.682</b>

**11. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Ông Lê Quốc Hưng	23.830.000.000	-
Ông Đỗ Vũ Diên	18.900.000.000	-
Ông Vũ Duy Thành	19.500.000.000	-
Phải thu khác	878.006.833	-
Công ty CP Tài chính và Đầu tư Gia Phát	30.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>93.658.006.833</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Hợp Nhất	325.972.804	325.972.804
Phải thu Dự án Đầm Vạc	500.000.000	500.000.000
Phải thu Ông Nguyễn Phan Toàn	7.229.130	7.229.130
Bảo hiểm xã hội	6.735.913	4.806.913
Phải thu Sở GD&ĐT Hà Nội	21.931.335	21.931.335
Phải thu kinh phí công đoàn	-	12.196.251
Công ty CP Đầu tư Tài chính & Đầu tư Gia Phát	-	1.458.203.834
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thịnh	34.120.000	356.690.000
<b>Cộng</b>	<b><u>895.989.182</u></b>	<b><u>2.657.869.802</u></b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Năm 2009</u>
	VND
Dư tại ngày 01/01/2009	26.313.695
Tăng trong năm	192.680.800
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	217.087.831
<b>Dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b><u>1.906.664</u></b>

**14. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tạm ứng	659.147.601	691.629.683
<b>Cộng</b>	<b><u>659.147.601</u></b>	<b><u>691.629.683</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	3.143.408.053	1.493.782.300	4.637.190.353
Tăng trong năm	93.700.414	-	93.700.414
Mua trong năm	93.700.414	-	93.700.414
Giảm trong năm	29.805.144	-	29.805.144
Giảm khác	29.805.144	-	29.805.144
Tại ngày 31/12/2009	3.207.303.323	1.493.782.300	4.701.085.623
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	1.041.592.644	241.745.488	1.283.338.132
Tăng trong năm	1.151.048.294	290.457.671	1.441.505.965
Trích khấu hao trong năm	1.151.048.294	290.457.671	1.441.505.965
Giảm trong năm	14.902.573	-	14.902.573
Giảm khác	14.902.573	-	14.902.573
Tại ngày 31/12/2009	2.177.738.365	532.203.159	2.709.941.524
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2008	2.101.815.409	1.252.036.812	3.353.852.221
Tại ngày 31/12/2009	1.029.564.958	961.579.141	1.991.144.099

**16. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	29.841.800.000	1.448.793.438	31.290.593.438
Tăng trong năm	-	678.551.300	678.551.300
Tại ngày 31/12/2009	29.841.800.000	2.127.344.738	31.969.144.738
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	-	368.608.133	368.608.133
Khấu hao trong năm	-	792.200.116	792.200.116
Tại ngày 31/12/2009	-	1.160.808.249	1.160.808.249
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2008	29.841.800.000	1.080.185.305	30.921.985.305
Tại ngày 31/12/2009	29.841.800.000	966.536.489	30.808.336.489

Tài sản vô hình là Quyền sử dụng đất ngôi nhà 177 đường Lê Duẩn, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, với thời gian sử dụng lâu dài.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Mua sắm tài cố định	402.090.500	554.626.500
Xây dựng cơ bản dở dang	147.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>549.190.500</b>	<b>554.626.500</b>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Hợp Nhất theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDTD-TWGPS ngày 23/02/2009 số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 0%/năm.	267.665.100	-
Vay theo hợp đồng ủy thác đầu tư cổ phần VCB qua Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	8.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>267.665.100</b>	<b>8.400.000.000</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế GTGT	6.176.984	15.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.232.655	4.690.158
Thuế TNDN tạm tính	77.470.986	-
<b>Cộng</b>	<b>85.880.625</b>	<b>19.690.158</b>

**21. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hợp Nhất	14.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	26.856.378.200
<b>Cộng</b>	<b>14.200.000.000</b>	<b>26.856.378.200</b>

A red circular stamp from the State Audit Office of Hanoi (Khoa Kiểm Toán Nhà Nước Hà Nội). The text inside the stamp includes "K. K. D. O.", "TRÁ", "KIẾ", and "O. THAI".

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**22. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	21.000.000.000	44.486.649.000
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	10.000.000.000	42.278.500.000
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 250909MGCK.PGB-GPS	49.483.000.000	-
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 171209MGCK.PGB-GPS	9.000.000.000	-
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 301209MGCK.PGB-GPS	10.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.283.000.000</b>	<b>86.774.149.000</b>

**23. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng tín dụng Số 10/PGNH-TDDNT/08 ngày 27/02/2008 số tiền vay 17.000.000.000 đồng chẵn, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng tiền cho vay để thanh toán tiền mua nhà làm trụ sở Công ty, lãi suất cho vay trong hạn là 1,5%/tháng (Lãi suất này sẽ được thay đổi cứ 03 tháng một lần theo lãi suất quy định của Ngân hàng). Tài sản dùng thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 7H-III-47, địa chỉ Số 177A, đường Lê Duẩn, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.	11.631.578.000	15.210.526.000
<b>Cộng</b>	<b>11.631.578.000</b>	<b>15.210.526.000</b>

**24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2009 VND
A	1	2	3	4
<b>I-Nguồn vốn kinh doanh</b>	<b>99.737.571.275</b>	<b>35.572.312.668</b>	<b>77.470.986</b>	<b>135.232.412.957</b>
1. Vốn góp ban đầu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
2. Vốn bổ sung	(35.262.428.725)	35.572.312.668	77.470.986	232.412.957
Trong đó:				
- Bổ sung từ lợi nhuận	(35.262.428.725)	35.572.312.668	77.470.986	232.412.957
<b>II-Các quỹ</b>	<b>45.804.456</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.804.456</b>
2. Quỹ dự phòng tài chính	45.804.456	-	-	45.804.456
- Dự trữ theo điều lệ công ty	45.804.456	-	-	45.804.456
<b>Cộng</b>	<b>99.783.375.731</b>	<b>35.572.312.668</b>	<b>77.470.986</b>	<b>135.278.217.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**• *Chi tiết cổ đông góp vốn*

	31/12/2009 Số cổ phần	31/12/2009 Tỷ lệ (%)	31/12/2009 VND
<b>Tổ chức</b>	<b>2.160.000</b>	<b>16,00</b>	<b>21.600.000.000</b>
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex	1.080.000	8,00	10.800.000.000
Công ty CP Xây dựng Cotec	1.080.000	8,00	10.800.000.000
<b>Cá nhân</b>	<b>11.340.000</b>	<b>84,00</b>	<b>113.400.000.000</b>
Nguyễn Thị Mai Linh	11.340.000	84,00	113.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.500.000</b>	<b>100</b>	<b>135.000.000.000</b>

• *Danh sách cổ đông sáng lập*

	31/12/2009 Tỷ lệ (%)	Số CMTND/ Số ĐKKD	Địa chỉ
<b>Tổ chức</b>			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	8,00%	62757	Số 132-134 Đường Nguyễn Huệ, Phường 2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp
Công ty CP Xây dựng Cotec	8,00%	4103002611	Số 34, Trần Quốc Bảo, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
<b>Cá nhân</b>			
Nguyễn Thị Mai Linh	84,00%	011830751	Tổ 11, Phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	428.711.637	2.292.302
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	9.928.978	2.889.582
Chi phí về vốn kinh doanh	13.133.854.682	5.218.597.507
Chi phí dự phòng	12.778.019.682	23.419.031.200
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.026.437.729	211.335.300
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	-	391.027.000
<b>Cộng</b>	<b>8.820.913.344</b>	<b>29.245.173.891</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên	2.817.849.826	3.617.953.997
Chi phí vật liệu	1.057.584.561	1.142.279.728
Chi phí công cụ, đồ dùng	829.141.304	1.029.442.885
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.233.706.081	1.619.705.333
Thuế, phí và lệ phí	9.206.854	9.009.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.091.885.319	3.360.202.300
Chi phí khác bằng tiền	26.010.813	90.962.117
<b>Cộng</b>	<b>9.065.384.758</b>	<b>10.869.555.360</b>

**27. LỢI NHUẬN TỪ NGOÀI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh	4.857.629	3.051.238.915
<i>Thu nhập khác</i>	4.857.629	3.051.238.915
Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh	3.538.831.092	30.027
<i>Chi phí khác</i>	2.961.092	36.027
<i>Chi do vi phạm hợp đồng</i>	3.535.870.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(3.533.973.463)</b>	<b>3.051.202.888</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	35.572.312.668	(35.674.668.827)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	643.326.500
Lỗi năm trước chuyển sang	(35.262.428.725)	(36.317.995.327)
Thu nhập chịu thuế	309.883.943	(36.317.995.327)
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.470.986	-
<b>Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>77.470.986</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 10/01/2008, Công ty đã ký hợp đồng số 008-08-HT/HĐ-GPS với Bà Dương Thị Hường về việc thuê toàn bộ tòa nhà số 55 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội để làm sàn giao dịch và trụ sở Công ty, thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 03/12/2007 đến hết ngày 03/12/2012, với số tiền thuê 9.000USD /tháng.

Ngày 23 tháng 07 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng số 09013HĐ/VNL-OCP với Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam về việc thuê 320m<sup>2</sup> Tầng 1, Toà nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội để làm sàn giao dịch và trụ sở Công ty, thời hạn thuê là 06 năm kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2009 đến hết ngày 22 tháng 09 năm 2015, với giá thuê là: 8.960 USD/tháng.

Công ty đã ứng trước tiền giữ chỗ thuê mặt bằng làm sàn giao dịch tại toà nhà Teamword, Cầu Giấy, Hà Nội.

Ngoài những khoản cam kết nêu trên, Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Ông Lê Quốc Hưng	23.830.000.000	-
Ông Đỗ Vũ Diên	18.900.000.000	-
Ông Vũ Duy Thành	19.500.000.000	2.475.634.000
Ông Nguyễn Đức Thịnh	-	1.856.690.000
Ông Trần Đình Lâm	-	35.304.259.472
Ông Nguyễn Trí Thanh	-	24.380.744.200
Công ty CP Tài chính và Đầu tư Gia Phát	30.550.000.000	1.458.203.834
<b>Các khoản phải trả</b>		
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	11.631.578.000	15.210.526.000
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	21.000.000.000	44.486.649.000
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	10.000.000.000	42.287.500000
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 250909MGCK.PGB-GPS	49.483.000.000	-
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 171209MGCK.PGB-GPS	9.000.000.000	-
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex số 301209MGCK.PGB-GPS	10.800.000.000	-
Ông Nguyễn Trí Thanh	-	3.973.006.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Số 01 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***31. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2009
<b>1. BỐ TRÍ CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN</b>		
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>		
Tài sản cố định/ Tổng số Tài sản	%	32,19%
Tài sản lưu động/ Tổng số Tài sản	%	67,81%
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	%	49,27%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	%	50,73%
<b>2. KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,03
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	9,29
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,46
<b>3. TỶ SUẤT SINH LỜI</b>		
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	62,42%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	62,28%
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	13,34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	13,31%
<i>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>	%	26,30%
<b>4. TỐC ĐỘ CHUYỂN VỐN LƯU ĐỘNG</b>		
Doanh thu thuần/ Tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng/Lần	0,37

**32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

\*

\* \*